

Số: 02/2025/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Đào Thị Toan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên họp:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2025/TLST - LĐ ngày 09/12/2025 về việc Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 02/2025/QĐST-VLĐ ngày 19/12/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1986; CCCD: số 030186005024, cấp ngày 28/9/2021; Địa chỉ: Thôn T, xã M, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Vũ Thị Q1, sinh năm 1983; CCCD số: 030183006488, cấp ngày 13/7/2023; Địa chỉ: Thôn T, xã M, thành phố Hải Phòng.

+ Công ty TNHH C; Địa chỉ: Khu C, xã M, thành phố Hải Phòng;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nagai T; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Inoue Y.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố H; Địa chỉ: Số B Hồ N, phường H, thành phố Hải Phòng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Q, chị Vũ Thị Q1:* Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu Đ, A2, A, phường L, thành phố Hà Nội.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Vũ Thị Q trình bày: Vào khoảng giữa năm 2007 do chị gái chị là Vũ Thị Q1 bị mất chứng minh nhân dân và chưa kịp cấp lại, chị đã cho chị Q1 mượn Chứng minh nhân dân của mình (CMND số: 142192876 do Công an tỉnh H cấp ngày 26/09/2001) để xin việc làm. Sau đó, chị Q1 có sử dụng Chứng minh nhân dân của chị đi xin việc hay không và đã đi xin việc ở đâu thì chị không biết. Năm 2005, chị nhận được thông báo của Bảo hiểm xã hội thành phố H (trước là Bảo hiểm xã hội tỉnh H) thì được biết chị có 02 sổ bảo hiểm xã hội. Lúc này, chị mới hỏi chị Q1 thì được biết chị Q1 đã sử dụng CMND của chị để xin việc làm và ký kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH C (viết tắt Công ty C) vào khoảng tháng 11/2007, thời hạn hợp đồng lao động: 01 năm, từ tháng 11/2007 đến hết tháng 10/2008. Tháng 11/2007 Công ty C đã tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc, sổ sổ bảo hiểm 3008001499, mã số F0001427 cho chị Vũ Thị Q1 bằng thông tin cá nhân và CMND mang tên chị là Vũ Thị Q. Ngày 08/07/2008, Công ty C đã chấm dứt Hợp đồng lao động với chị Vũ Thị Q1. Cũng vào thời điểm đó, ngày 01/07/2007 chị với Công ty TNHH S đã ký Hợp đồng lao động (hiện nay chị vẫn đang làm việc tại đó) và được Công ty Đ bắt buộc từ tháng 07/2007, sổ bảo hiểm xã hội số 8607022503. Như vậy, hai sổ bảo hiểm xã hội đã trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2007 đến hết tháng 06/2008. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị Q1 ký với Công ty C dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị Q, sổ sổ bảo hiểm: 3008001499, mã số F0001427 và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Chị Vũ Thị Q1 trình bày thống nhất với chị Vũ Thị Q về việc chị mượn CMND của chị Q để ký hợp đồng lao động với Công ty C, chị trực tiếp làm việc tại Công ty C và được Công ty đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, còn cụ thể công ty đóng bảo hiểm như thế nào đến nay chị không nhớ. Việc chị lấy hồ sơ tên Vũ Thị Q để ký kết các hợp đồng lao động với Công ty C là không đúng nên chị nhất trí với các yêu cầu của chị Q: Đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đứng tên Vũ Thị Q nhưng do chị là Vũ Thị Q1 ký với Công ty C vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Đối với tiền bảo hiểm nếu trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu mà Bảo hiểm xã hội thoái thu

chị đề nghị trả lại toàn bộ cho Công ty C, cá nhân chị không đòi hỏi và yêu cầu gì.

Công ty TNHH C trình bày: Về hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty C và chị Vũ Thị Q, sinh năm 1986, mã nhân viên F0001427, số sổ bảo hiểm 3008001499 vào năm 2007 hiện tại công ty không còn lưu giữ hồ sơ (sơ yếu lý lịch, hợp đồng lao động, giấy tờ khác) nên không thể cung cấp hợp đồng lao động cho Tòa án. Tuy nhiên căn cứ theo tài liệu mà người yêu cầu cung cấp cho Tòa án gồm: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 010/07/2008/PSN-BIVN ngày chấm dứt 09/7/2008 và sổ bảo hiểm xã hội số 3008001499, mã nhân viên F0001427, xác định có việc ký kết hợp đồng lao động ghi tên người lao động là Vũ Thị Q còn các nội dung khác do không còn hồ sơ lưu giữ nên Công ty không xác định được. Chị Q yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động Vũ Thị Q từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2008. Trường hợp nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì số tiền bảo hiểm xã hội công ty đã nộp đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Bảo hiểm xã hội thành phố H trình bày: Chị Vũ Thị Q, mã số bảo hiểm 3008001499 có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại Công ty TNHH C từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2008. Về nội dung chị Vũ Thị Q1 mượn hồ sơ tư pháp của chị Vũ Thị Q để ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty C, Bảo hiểm xã hội có quan điểm như sau: Việc mượn hồ sơ để tham gia bảo hiểm xã hội là hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật hiện hành giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu số tiền thực hiện thoái thu là 1.437.400đ. Do khối lượng công việc cuối năm lớn nên không thể tham gia tố tụng tại phiên họp, phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố H.

Tại phiên họp:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên họp chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX áp dụng: Áp dụng 370, 401, 402 BLTTDS; Điều 122, 132, 137 BLDS năm 2005; Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH C với chị Vũ Thị Q1 ghi tên người lao Vũ Thị Q, mã nhân viên F0001427, số sổ bảo hiểm 3008001499 vô hiệu toàn bộ. Hoàn trả cho Công ty C toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2008 theo quy trình thoái thu của B. Buộc chị Q phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng và pháp luật áp dụng:

[1.1] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH C có trụ sở tại Khu công nghiệp P, xã M, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

[1.3] Hợp đồng lao động được xác lập và thực hiện năm 2007, 2008, nay phát sinh tranh chấp nên Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007 và Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Vũ Thị Q yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị Q1 ký với Công ty C dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị Q, mã nhân viên F0001427, số sổ bảo hiểm 3008001499. Quá trình giải quyết người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ trình bày của người yêu cầu, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Quyết định số 010/07/2008/PSN-BIVN về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với chị Vũ Thị Q của Công ty C; sổ bảo hiểm xã hội số 3008001499. Có đủ cơ sở xác định Công ty C đã ký hợp đồng lao động với người lao động ghi tên Vũ Thị Q vào tháng 11/2007. Lời khai của chị Q, chị Q1

xác định chị Q1 sử dụng hồ sơ tư pháp của chị Q để ký hợp đồng và làm việc tại Công ty C. Đây là hành vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng và vi phạm quy định của Bộ luật Lao động. Chị Q1 sử dụng hồ sơ tư pháp của chị Q làm cho Công ty C hiểu sai lệch về chủ thể để xác lập hợp đồng lao động là hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng lao động đứng tên chị Vũ Thị Q (do chị Vũ Thị Q1 ký) với Công ty C vô hiệu toàn bộ. Vì vậy yêu cầu của chị Q là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động nhưng thực tế chị Q1 có làm việc tại Công ty C và được Công ty đóng bảo hiểm từ tháng 11/2007 đến hết tháng 6/2008 theo sổ bảo hiểm số 3008001499. Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng xác định người lao động mang tên Vũ Thị Q, sổ bảo hiểm số 3008001499 chưa được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội liên quan và số tiền thoái thu trả là 1.437.400đ. Chị Q1 tự nguyện đề nghị hoàn trả cho Công ty C toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty C số tiền 1.437.400đ theo quy trình thoái thu của B.

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Q

1. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị Q1 ký với Công ty TNHH C dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị Q, mã nhân viên F0001427, sổ sổ bảo hiểm: 3008001499 vô hiệu toàn bộ.

2. Hoàn trả Công ty TNHH C tổng số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Vũ Thị Q1 (đứng tên Vũ Thị Q) là 1.437.400đ (*Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*) theo quy trình thoái thu của B.

3. Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu:

BLTU/25E số 0007782 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Q đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- THA DS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy